

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG

Số: 196 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Đắk Nông, ngày 19 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện Dự án “Điều tra, khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất – tỉnh Đắk Nông”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 271/TTr-STNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024; Công văn số 362/STNMT-KSTNN ngày 13 tháng 02 năm 2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất phải phù hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định phương án, lộ trình thực hiện các biện pháp cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất (nếu có) đối với công trình khai thác nước dưới đất của mình theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường



a) Công bố Phương án trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo quy định.

b) Thông báo tới các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất có công trình khai thác nước thuộc các vùng cấm, vùng hạn chế và đồng thời hướng dẫn việc thực hiện các biện pháp cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất theo phương án đã quy định.

c) Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phương án.

3. Giao các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch và giải pháp cấp nước cho các tổ chức, cá nhân nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; vận động các tổ chức, cá nhân trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất sử dụng hệ thống cấp nước tập trung do các đơn vị cấp nước cung cấp.

4. Giao UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức tuyên truyền, giám sát các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất thực hiện phương án. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 2

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT (N).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**





**PHƯƠNG ÁN, LỘ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC CẤM, HẠN  
CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**  
(Kèm theo Quyết định số 196 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025  
của UBND tỉnh Đắk Nông)

**1. Nguyên tắc xây dựng Phương án, lộ trình thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất**

Việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất dựa theo các nguyên tắc sau:

- a) Bảo đảm yêu cầu bảo vệ nguồn nước dưới đất, đồng thời phải bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- b) Tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất được áp dụng cụ thể đối với từng vùng, từng khu vực cấm, hạn chế nước dưới đất và thứ tự thực hiện đối với từng đối tượng, trường hợp theo quy định của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. Không áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất khác với các biện pháp quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;
- c) Ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai và phòng cháy, chữa cháy;
- d) Việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất phải theo kế hoạch, lộ trình phù hợp được phê duyệt, bảo đảm không gây gián đoạn việc cấp nước, trừ trường hợp sự cố, gây sụt, lún đất hoặc các tình huống khẩn cấp cần phải xử lý, trám lấp giếng để khắc phục sự cố;
- đ) Việc thực hiện các biện pháp cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất mà có liên quan đến trám lấp giếng thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về xử lý, trám lấp giếng không sử dụng; trường hợp liên quan đến cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi, cấp lại giấy phép khai thác tài nguyên nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;
- e) Việc cấm khai thác nước dưới đất áp dụng cho mọi tổ chức, cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất; việc hạn chế khai thác nước dưới đất chỉ áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất thuộc trường hợp phải có giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc thuộc trường hợp phải đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định, không áp dụng đối với trường hợp phải kê khai khai thác, sử dụng nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình và các hoạt động cấp nước cho sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai và phòng cháy, chữa cháy.

**2. Phương án, lộ trình thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất**

- a) Trong phạm vi vùng cấm khai thác nước dưới đất thì cấm toàn bộ hoạt động thăm dò nước dưới đất, xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất, bao gồm cả trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia

đình; các giếng khoan khai thác nước cho sinh hoạt của hộ gia đình thì thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác;

b) Trong phạm vi vùng hạn chế 2, các công trình thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

Danh mục các công trình và phương án, lộ trình thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được thể hiện tại *Phụ lục*. 

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG CẤM, VÙNG HẠN CHẾ 2**

| TT | Số hiệu giếng khai thác                                     | Tên Đơn vị/Chủ hộ | Toạ độ VN2000 (KTT 108 <sup>0</sup> 30', múi 3 <sup>0</sup> ) |        | Đơn vị hành chính                             | Mục đích sử dụng   | Tầng chứa nước khai thác | Lưu lượng đề nghị khai thác (m <sup>3</sup> /ngày) | Vùng cấm, vùng hạn chế | Phương án, lộ trình thực hiện                                             |
|----|-------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------|--------|-----------------------------------------------|--------------------|--------------------------|----------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                             |                   | X (m)                                                         | Y (m)  |                                               |                    |                          |                                                    |                        |                                                                           |
| I  | Vùng xảy ra sụt, lún nền đất (các công trình không có phép) |                   |                                                               |        |                                               |                    |                          |                                                    |                        |                                                                           |
| 1  | GK01                                                        | Nguyễn Trung Hậu  | 1330180                                                       | 411403 | Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa | cấp nước sinh hoạt | β(n-qp)                  | 0,5                                                | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác. |
| 2  | GĐ02                                                        | Nguyễn Văn Hồng   | 1330160                                                       | 411447 | Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa | cấp nước sinh hoạt | β(n-qp)                  | 1                                                  | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác. |
| 3  | GĐ03                                                        | Lê Thế Bằng       | 1330223                                                       | 411449 | Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa | cấp nước sinh hoạt | β(n-qp)                  | 0                                                  | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng.                                            |
| 4  | GK04                                                        | Nguyễn Xuân Thắng | 1330226                                                       | 411454 | Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa | cấp nước sinh hoạt | β(n-qp)                  | 1,5                                                | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác. |
| 5  | GĐ05                                                        | Nguyễn Văn Hải    | 1330245                                                       | 411457 | Tổ 9, phường Nghĩa Thành,                     | cấp nước sinh hoạt | β(n-qp)                  | 0                                                  | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng.                                            |



| TT | Số hiệu giếng khai thác | Tên Đơn vị/Chủ hộ | Toạ độ VN2000 (KTT 108°30', múi 3°) |        | Đơn vị hành chính                             | Mục đích sử dụng   | Tầng chứa nước khai thác | Lưu lượng đề nghị khai thác (m <sup>3</sup> /ngày) | Vùng cấm, vùng hạn chế | Phương án, lộ trình thực hiện                                             |
|----|-------------------------|-------------------|-------------------------------------|--------|-----------------------------------------------|--------------------|--------------------------|----------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |                   | X (m)                               | Y (m)  |                                               |                    |                          |                                                    |                        |                                                                           |
|    |                         |                   |                                     |        | thành phố Gia Nghĩa                           |                    |                          |                                                    |                        |                                                                           |
| 6  | GĐ06                    | Nguyễn Xuân Bảy   | 1330279                             | 411482 | Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa | cấp nước sinh hoạt | $\beta(n-qp)$            | 0                                                  | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng.                                            |
| 7  | GĐ07                    | Nguyễn Sửu        | 1330247                             | 411482 | Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa | cấp nước sinh hoạt | $\beta(n-qp)$            | 0                                                  | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng.                                            |
| 8  | GĐ08                    | Nguyễn Lan        | 1330238                             | 411458 | Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa | cấp nước sinh hoạt | $\beta(n-qp)$            | 0                                                  | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng.                                            |
| 9  | GĐ09                    | Nguyễn Văn Hoàng  | 1355949                             | 376768 | Thôn 3, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức          | cấp nước sinh hoạt | $\beta(n-qp)$            | 1                                                  | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác. |
| 10 | GĐ10                    | Điền Chui         | 1355916                             | 376782 | Thôn 3, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức          | cấp nước sinh hoạt | $\beta(n-qp)$            | 1                                                  | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác. |



| TT | Số hiệu giếng khai thác | Tên Đơn vị/Chủ hộ                         | Toạ độ VN2000 (KTT 108°30', múi 3°) |        | Đơn vị hành chính                        | Mục đích sử dụng                | Tầng chứa nước khai thác | Lưu lượng đề nghị khai thác (m³/ngày) | Vùng cấm, vùng hạn chế | Phương án, lộ trình thực hiện                                             |
|----|-------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------|--------|------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |                                           | X (m)                               | Y (m)  |                                          |                                 |                          |                                       |                        |                                                                           |
| 11 | GĐ11                    | Thị Vy, B Luyên, S Rớ, R Ngực, Dũng, Mrâu | 1355859                             | 376799 | Thôn 3, xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức     | cấp nước sinh hoạt              | $\beta(n-qp)$            | 3,5                                   | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác. |
| 12 | GĐ12                    | Điều Bai                                  | 1355935                             | 376800 | Thôn 3, xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức     | cấp nước sinh hoạt              | $\beta(n-qp)$            | 1                                     | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác. |
| 13 | GĐ13                    | Nguyễn Anh Thọ                            | 1329448                             | 390078 | Thôn 8, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức      | cấp nước sinh hoạt              | $\beta(n-qp)$            | 1,5                                   | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác. |
| 14 | GK14                    | Lê Phi Long                               | 1346959                             | 385330 | Thôn 5, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức      | cấp nước sinh hoạt, nông nghiệp | $\beta(n-qp)$            | 25                                    | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác. |
| 15 | GĐ15                    | Trần Thị Vân                              | 1352089                             | 395034 | Đắk Rmô2, xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song | cấp nước sinh hoạt              | $\beta(n-qp)$            | 0                                     | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng.                                            |

| TT                                                                                                                                     | Số hiệu giếng khai thác | Tên Đơn vị/Chủ hộ | Toạ độ VN2000 (KTT 108 <sup>0</sup> 30', múi 3 <sup>0</sup> ) |        | Đơn vị hành chính                      | Mục đích sử dụng   | Tầng chứa nước khai thác | Lưu lượng đề nghị khai thác (m <sup>3</sup> /ngày) | Vùng cấm, vùng hạn chế | Phương án, lộ trình thực hiện                                                                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------|--------|----------------------------------------|--------------------|--------------------------|----------------------------------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                        |                         |                   | X (m)                                                         | Y (m)  |                                        |                    |                          |                                                    |                        |                                                                                                      |
| 16                                                                                                                                     | GĐ16                    | Nguyễn Văn Dừa    | 1341959                                                       | 412475 | Thôn 8, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song | cấp nước sinh hoạt | $\beta(n-qp)$            | 2                                                  | Vùng cấm               | Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.                            |
| <b>II Vùng có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và nguy cơ vượt ngưỡng khai thác nước dưới đất (các công trình không có phép)</b> |                         |                   |                                                               |        |                                        |                    |                          |                                                    |                        |                                                                                                      |
| 1                                                                                                                                      | VCĐN.3                  | Xã Đắk Plao       | 1321160                                                       | 428793 | Xã Đắk Plao, huyện Đắk Glong           | cấp nước sinh hoạt | $\beta(n-qp)$            | 70                                                 | HC2                    | Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. |
| 2                                                                                                                                      | VCĐN.7                  | Xã Quảng Thành    | 1333365                                                       | 414105 | Xã Quảng Thành, Thành phố Gia Nghĩa    | cấp nước sinh hoạt | $\beta(n-qp)$            | 161                                                | HC2                    | Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. |
| 3                                                                                                                                      | VCĐN.15                 | Xã Đắk R'là       | 1381142                                                       | 416384 | Xã Đắk R'là, huyện Đắk Mil             | cấp nước sinh hoạt | $\beta(n-qp)$            | 86                                                 | HC2                    | Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. |
| 4                                                                                                                                      | VCĐN.16                 | Xã Đắk R'là       | 1381641                                                       | 416293 | Xã Đắk R'là, huyện Đắk Mil             | cấp nước sinh hoạt | $\beta(n-qp)$            | 129                                                | HC2                    | Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. |